

Message Text

UNCLASSIFIED

PAGE 01 KUALA 04771 01 OF 02 131049Z

15

ACTION ITFE-00

INFO OCT-01 EA-09 ISO-00 SSO-00 DHA-02 ORM-01 PM-04

CIAE-00 INR-07 NSAE-00 INSE-00 VOE-00 SCA-01 INRE-00

L-03 HEW-06 AID-05 NSCE-00 /039 W

----- 050056

O R 130940Z AUG 75

FM AMEMBASSY KUALA LUMPUR

TO SECSTATE WASHDC IMMEDIATE 935

CG CAMP PENDELETON IMMEDIATE

SECDEF/PDASD(C)

JCS/J4

CG FORT CHAFEE ARK

ELGIN AFB FLA

CINCPACREP GUAM/TTPI MI

INDIANTOWN GAP MR PENN

WAKE ISLAND

INFO AMEMBASSY SINGAPORE

UNCLAS SECTION 1 OF 2 KUALA LUMPUR 4771

STATE PASS IATF

E.O. 11652: N/A

TAGS: SREF

SUBJ: MALAYSIA - REFUGEES AIR SIAM CHARTER FLIGHT TO CAMP
PENDELTON 13 AUGUST

REF: STATE 189201

AIR SIAM CHARTER FLIGHT CARRYING 316 REFUGEES (291
FROM MALAYSIA AND 25 FROM SINGAPORE) DEPARTED KUALA
LUMPUR 0130 HOURS 13 AUGUST FOR CAMP PENDLETON.
NAMES OF 291 REFUGEES FROM MALAYSIA LISTED BELOW
BY FAMILY GROUPING (EACH NUMBERED PARA IS DIFFERENT
FAMILY GROUP OR INDIVIDUAL).

1. PHAM HOAI SANG (M) 30, PHAM NGUYEN THI KIM NGA

UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 02 KUALA 04771 01 OF 02 131049Z

(F) 27, PHAM QUOC HUNG (M) 5, PHAM QUOC DUNG (M) 4.

2. LE QUOC SAN (M) 38, TRAN THI TUOI (F) 38, LE THI THANH (F) 4, LE QUOC TUNG (M) 2, TRAN THI NHUNG (F) 17.

3. DAO MINH LONG (M) 34, DAO TA THI HONG (F) 29, DAO MINH VU (M) 9, DAO KHANH VU (M) 8, DAO THUY VU (F) 6, DAO MINH HONG QUYEN (F) 3, DAO MINH THUC QUYEN (F) 1.

4. NGUYEN DUY HUYNH (M) 42, NGUYEN PHAM THI ANH (F) 26, NGUYEN THI VINH (F) 19, PHAM THI MUA (F) 15, PHAM THI GIAU (F) 6, NGUYEN DUY HO (M) 1.

5. NGUYEN KIM THINH (M) 40, NGUYEN PHAM KIM LIEN (F) 32, PHAM KIM PHUNG (F) 30, MAI HOANG SON (M) 7, MAI HOANG NGUYEN (M) 5.

6. MA BUU SON (M) 44, MA TRIEU NGA (F) 41, MA TINH NGHI (F) 13, MA KIEN CUONG (F) 12, MA TINH VAN (F) 7, MA TINH MANH (F) 3, MA KIEN MINH (M) 9, DU KIM PHUOC (M) 25.

7. DO NGOC CAT (M) 29, DO PHAM THI LE HIEN (F) 28, DO NGOC DUYEN (F) 5.

8. HAK KIM HOUR (M) 21.

9. LA THANH NHAN (M) 33.

10. NGUYEN BA SUNG (M) 49, NGUYEN HOANG SAM THI (F) 47, NGUYEN THI THA (F) 37, NGUYEN THI KIM HUE (F) 18, NGUYEN THI THAN XUAN (F) 17, NGUYEN THI HOA (F) 15, NGUYEN THI HOP (F) 14, NGUYEN THI TAM (F) 13, NGUYEN THI THIM (F) 12, NGUYEN THANH ANG (M) 11, NGUYEN BA THANH (M) 10, NGUYEN THI HONG THU (F) 9, NGUYEN THI HONG EN (F) 8, NGUYEN THI HONG NHUNG (F) 7, NGUYEN THI DAY (F) 2.

11. TRAN VAN UC (M) 62, TRAN NGUYEN THI TIEN (F) 50, TRAN THI XUAN PHUONG (F) 13.

UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 03 KUALA 04771 01 OF 02 131049Z

12. NGUYEN VAN HIEU (.) 31, NGUYEN VO KIM NHAN (F) 27.

13. LE VAN TUU (M) 56, LE PHAM THI TAM (F) 55, LE NGOC MY (F) 22, LE THI TUYET PHUONG (F) 16.

14. NGUYEN LO (M) 50, NGUYEN THI HIEN (F) 49, NGUYEN DANH (M) 18, NGUYEN THI HONG THANH (F) 16,

NGUYEN CANH (M) 13, NGUYEN THI BICH DAO (F) 8,
NGUYEN THI THANH MAI (F) 6.

15. NGUYEN DONG (M) 27, NGUYEN PHAM THI NHO (F) 19.

16. NGUYEN SANG (M) 26, NGUYEN THI HONG HOA (F) 24,
NGUYEN HONG DIEM THUY (F) 2.

17. NGUYEN THE VINH (M) 22.

18. NGUYEN VAN TIENG (M) 41, NGUYEN LE KIM CHI (F)
37, NGUYEN THI DIEM TRANG (F) 4.

19. TO MAN (M) 46, TO TRAN AI THI (F) 41, TO HANH
(M) 10.

20. VO XUAN LONG (M) 26, VO TRAN THI NHO (F) 25.

21. VO NGO MINH LOI (M) 15.

22. HO CHAU (M) 45, HO CHAU THI THI (F) 45, HO SA (M)
21, HO VIET (M) 14, HO VIET HUNG (M) 17, HO VIET DUNG
(M) 16, HO VIET TIEN (M) 15, HO VIET MY (M) 12, HO
THI DIEU ANH (F) 11, HO VIET SON (M) 10, HO VIET LA
(M) 9, HO THI DIEU NGA (F) 8, HO VIET TUAN (M) 5.

23. HO TRI (M) 38, HO NGUYEN THI THANH (F) 34, HO
THI MY LE (F) 15, HO THI MY HUONG (F) 14, HO THI MY
LIEN (F) 11, HO THI MY NGOC (F) 9, HO THI MY LONG (F)
8, HO THI MY DUNG (F) 4, HO THI LAN PHUONG (F) 3, HO
NGOC NHAN (M) 1.

24. NGUYEN VAN TIEN (M) 50, NGUYEN QUYNH GIAO (F) 32.
UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 04 KUALA 04771 01 OF 02 131049Z

25. NGUYEN HUU DIM (M) 61, NGUYEN BUI THI THUOC (F)
42, NGUYEN THANH THUC (M) 36, NGUYEN HONG KHANH (M) 41,
NGUYEN PHUONG MINH (F) 27, NGUYEN HUNG THANH (M) 22,
NGUYEN TUONG CUNG (F) 21, NGUYEN HOAN GIA (F) 20,
NGUYEN NGOC UYEN (F) 18, NGUYEN PHUONG TRACH (F) 16,
NGUYEN NGOC KHANG (M) 14, NGUYEN THANH TU (F) 12,
NGUYEN Y HOANG (F) 11, NGUYEN TAM UYEN (F) 1.

26. DANG DUC ANH (M) 42, DANG THI NGOC LANG (F) 73,
LUU THI DIEU (F) 54, TRUONG HUYEN VINH (M) 22,
LE HOANG TRUNG (M) 20, NGUYEN HUU VAN (M) 20.

27. NGUYEN GIA THI THUC NHIEN (F) 38.

28. NGUYEN DUY LINH (M) 23.

29. BACH THAI MINH (M) 41.

UNCLASSIFIED

NNN

UNCLASSIFIED

PAGE 01 KUALA 04771 02 OF 02 131148Z

46

ACTION ITFE-00

INFO OCT-01 EA-09 ISO-00 SSO-00 DHA-02 ORM-01 PM-04

CIAE-00 INR-07 NSAE-00 INSE-00 VOE-00 SCA-01 INRE-00

L-03 HEW-06 AID-05 NSCE-00 NSC-05 /044 W

----- 050563

O R 130940Z AUG 75

FM AMEMBASSY KUALA LUMPUR

TO SECSTATE WASHDC IMMEDIATE 936

CG CAMP PENDELETON IMMEDIATE

SECDEF/PDASD(C)

JCS/J4

CG FORT CHAFEE ARK

ELGIN AFB FLA

CINCPACREP GUAM/TTPI MI

INDIANTOWN GAP MR PENN

WAKE ISLAND

INFO AMEMBASSY SINGAPORE

UNCLAS SECTION 2 OF 2 KUALA LUMPUR 4771

STATE PASS IATF

30. CHUNG BA THANG (M) 31, CHUNG LAM MAI NGA (F) 26,
LAM THI MAN (F) 69, CHUNG BA TRUYEN (F) 9, CHUNG BA
QUYEN (M) 5.

31. SLU VA SANG (M) 47, SLU DANG QUAN MAI (F) 39,
SLU SAO ZENH (F) 19, SLU XUAN VINH (M) 17, SLU XUAN
HOA (M) 16, SLU XUAN PHU (M) 15, SLU XUAN KIM (M) 10,
SLU XUAN KIET (M) 10, SLU XUAN ANH (M) 6, SLU HOA HUNG
(M) 3, SLU HOA SINH (M) 3.

32. TRAN DINH THAI (M) 44, TRAN NGUYEN THI NHO (F)
37, TRAN THI DAI (F) 18, TRAN THI LOAN (F) 14, TRAN

XUAN THONG (M) 12, TRAN XUAN LINH (M) 8, TRAN THI MA
(F) 2, TRAN XUAN SON (M) 5, TRAN XUAN HAI (M) 1.

UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 02 KUALA 04771 02 OF 02 131148Z

33. HUYNH TRI HUU (M) 24.

34. TRAN VAN QUAM (M) 55, TRAN THI GAI (F) 43, TRAN
VAN CHI (M) 23, TRAN VAN VINH (M) 21, TRAN VAN CO
(M) 18, TRAN THI HIEN (F) 17, TRAN NGOC THANH (M) 15,
TRAN THI KIM LOAN (F) 14, TRAN THI KIM HOANG (F) 13,
TRAN NGOC PHU (M) 7, TRAN NGOC QUY (M) 4.

35. NGUYEN VAN PHUOC (M) 25.

36. VO VIET SAN (M) 21.

37. PHAM VAN TINH (M) 28, PHAM LE THI BACH MAI (F)
26, PHAM LE TUAN (M) 2, LE THANH LIEM (M) 16, LE
THANH GUONG (M) 8.

38. HUYNH NGOC DIEP (M) 47, HUYNH THI LE DUNG (F) 35,
HUYNH NGOC DIEN (M) 8, HUYNH NGOC DANH (M) 7, HUYNH THI
NGOC BICH (F) 4, HUYNH NGOC BAO DINH (M) 2, HUYNH THI
NGOC BICH (F) 4, HUYNH NGOC BAO DINH (M) 2, HUYNH NGOC
BAO AN (M) 1, THAI HUNG DUNG (M) 19, PHAM VAN HIEN (M)
33, LE THI DUYEN (F) 41, HUYNH THI CAM (F) 22, HUYNH
THI ANH DAO (F) 20, HUYNH CONG VINH (M) 22, HUYNH NGOC
RANG (M) 18, HUYNH NGOC CUONG (M) 15, HUYNH THI NGOC
YEN (F) 14, HUYNH NGOC BAO QUOC (M) 11, HUYNH NGOC TIT
AN (F) 11 DAYS.

39. TRAN NGUON NHUNG (M) 52, TRAN NGUYEN HONG NHUY
(F) 45, TRAN MINH THUAN (M) 22, TRAN THUAN TRI (M) 21,
TRAN THI HONG VAN (F) 18, TRAN THI KIM LAN (F) 15.

40. NGUYEN THI KIEU NGAN (F) 29, NGUYEN DAC HUYEN
(M) 22.

41. NGUYEN MANH HA (M) 22, TRAN MINH THOI (M) 32.

42. VUONG HONG PHUC (M) 32.

43. NGUYEN NGOC DEN (M) 36.

4. DANG TAN PHAT (M) 31, DANG TRUONG THI HAI (F) 30,
UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 03 KUALA 04771 02 OF 02 131148Z

DANG HOANG PHI (M) 3.

45. NGUYEN VAN DUONG (M) 50, NGUYEN THI LIEN CHI (F)
47, NGUYEN MANH DOAN CHI (M) 21, NGUYEN THI PHUONG ANH
(F) 18, NGUYEN MANH DOANH ANH (M) 16, NGUYEN MANH DAN
ANH (M) 13, NGUYEN MANH DUYEN ANH (M) 12, NGUYEN MANH
DIEN ANH (M) 9, NGUYEN THI PHUONG LIEN (F) 7.

46. VUONG THO SANH (M) 29, VOUNG TRIEU HGUYET DUNG
(F) 27, VUONG XUAN MAI (F) 4, VUONG CHIE U HUNG (M) 1.

47. SAM DUI SANG (M) 44, SAM NGO ANH LAN (F) 36,
SAM CHIU VAN (F) 10, SAM HONG VI (M) 9, SAM HONG
MINH (M) 7, SAM HONG CAM (M) 1, SAM HONG CHAN (F) 14,
THIN BAC SANG (M) 28, THIN QUN SANG (M) 24

48. TRAN NGO QUAN THUAN (M) 37, TRAN NGO TAN TAI (M)
25, TRAN LUU THI MINH (F) 30, TRAN NGO BICH QUAN (F)
6, TRAN NGO BICH LAM (F) 4, TRAN NGO BICH NHU (F) 1.

49. QUANG NGUYEN THE (M) 24.

50. PHAM DINH PHU (M) 6, PHAM THI KIM LUC (F) 3,
PHAM BINH PHONG (M) 1.

51. LAM THI NGOC DIEP (F) 27, LE VAN THANH (M) 43,
TU THI NU (F) 70, LE NGOC HANH (F) 9, LE KIM CHI (F)
7, GIANG MONG HA (F) 9.

52. DANG TIEN LOC (M) 45, DANG LUONG NGOC HIEN (F) 45.

53. TRIEU HI MUNG (M) 34, TU KY SIN (M) 12.

54. NGUYEN THI GIANG (F) 26.

55. PHU SI LY (M) 27.

56. LE THIEN TUNG (M) 37, LE NGOC CHIEU (M) 23.

57. NGUYEN TRONG HOI (M) 4.

UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 04 KUALA 04771 02 OF 02 131148Z

58. HUYNH THAI NGUYEN (M) 43, HUYNH NGUYEN THI XUAN
YEN (F) 41, HUYNH NGUYEN BAO (M) 17, HUYNH NGUYEN DUY
(M) 16, HUYNH NGUYEN TOAN (M) 15, HUYNH NGUYEN TAN (M)
14, HUYNH NGUYEN TRUNG (M) 13, HUYNH YEN DONG NGUYEN
(F) 12.

59. TRAN VAN TY (M) 38, TRAN NGUYEN THI THUY (F) 39, NGUYEN THI DUNG (F) 28, TRAN NGOC HAI (M) 21, TRAN NGOC HA (M) 18, TRAN THI HANH (F) 17, TRAN THI PHUC (F) 16, TRAN TRONG NHU (M) 13, TRAN TRONG Y (M) 12, TRAN VAN THANH (M) 11, TRAN THI KIM CHI (F) 19, TRAN THI KIM THUY (F) 7, TRAN THI THUY TIEN (F) 6, TRAN THI KIM NGA (F) 3, TRAN THI KIM LIEN (F) 1.

60. NGUYEN TUNG VAN (M) 23.

61. NGUYEN THI GAI (F) 38, NGUYEN THE PHIT (M) 6, NGUYEN THANK CHUONG (M) 4, NGUYEN THI THUY (F) 1.

62. VONG TAN PHI (M) 19.
DILLON

UNCLASSIFIED

NNN

Message Attributes

Automatic Decaptioning: X
Capture Date: 01 JAN 1994
Channel Indicators: n/a
Current Classification: UNCLASSIFIED
Concepts: REFUGEE RESETTLEMENT, SUPPLEMENTAL AIRLINES
Control Number: n/a
Copy: SINGLE
Draft Date: 13 AUG 1975
Decaption Date: 01 JAN 1960
Decaption Note:
Disposition Action: n/a
Disposition Approved on Date:
Disposition Authority: n/a
Disposition Case Number: n/a
Disposition Comment:
Disposition Date: 01 JAN 1960
Disposition Event:
Disposition History: n/a
Disposition Reason:
Disposition Remarks:
Document Number: 1975KUALA04771
Document Source: CORE
Document Unique ID: 00
Drafter: n/a
Enclosure: n/a
Executive Order: N/A
Errors: N/A
Film Number: D750279-0706
From: KUALA LUMPUR
Handling Restrictions: n/a
Image Path:
ISecure: 1
Legacy Key: link1975/newtext/t19750857/aaaabxwp.tel
Line Count: 347
Locator: TEXT ON-LINE, ON MICROFILM
Office: ACTION ITFE
Original Classification: UNCLASSIFIED
Original Handling Restrictions: n/a
Original Previous Classification: n/a
Original Previous Handling Restrictions: n/a
Page Count: 7
Previous Channel Indicators: n/a
Previous Classification: n/a
Previous Handling Restrictions: n/a
Reference: 75 STATE 189201
Review Action: RELEASED, APPROVED
Review Authority: ellisoob
Review Comment: n/a
Review Content Flags:
Review Date: 27 JAN 2003
Review Event:
Review Exemptions: n/a
Review History: RELEASED <27 JAN 2003 by ReddocGW>; APPROVED <12 JAN 2004 by ellisoob>
Review Markings:

Margaret P. Grafeld
Declassified/Released
US Department of State
EO Systematic Review
06 JUL 2006

Review Media Identifier:
Review Referrals: n/a
Review Release Date: n/a
Review Release Event: n/a
Review Transfer Date:
Review Withdrawn Fields: n/a
Secure: OPEN
Status: NATIVE
Subject: MALAYSIA - REFUGEES AIR SIAM CHARTER FLIGHT TO CAMP PENDELTON 13 AUGUST
TAGS: SREF, MY, AIR SIAM
To: STATE
Type: TE
Markings: Margaret P. Grafeld Declassified/Released US Department of State EO Systematic Review 06 JUL 2006